TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:75 /2020/HS-ST
Ngày: 18-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hùng

Ông Trần Anh Tuấn

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Khương Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân T, sinh ngày 08 tháng 4 năm 1997 tại tỉnh V; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị L; có vợ là Nguyễn Thị L và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2020 đến ngày 02/10/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp "Bảo lĩnh" (có mặt);

- *Người bị hại:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh V (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Trần Thị L, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh V (có mặt);

2. Ông Vũ Văn B, sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn S, xã V, huyện L, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/7/2020, Nguyễn Xuân T đi bộ từ nhà mình sang nhà anh trai ruột là Nguyễn Anh P, ở cùng thôn với T để xin nước uống. Khi T sang nhà anh P thì thấy không có ai ở nhà. T đi vào bếp để lấy nước uống thì quan sát thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 88D1 – 184.36 của chị Nguyễn Thị H (là vợ anh P) dựng trong bếp. Lúc này, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy trên đem đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, T đi vào phòng ngủ của vợ chồng anh P để tìm chìa khóa xe máy và giấy tờ xe thì thấy chìa khóa xe máy để ở trên bàn, trong tủ quần áo có đăng ký xe máy biển kiểm soát 88D1 – 184.36 nên T đúc đăng ký xe vào túi quần rồi đi xuống bếp cắm chiếc chìa khóa trên vào ổ khóa điện xe máy biển kiểm soát 88D1 – 184.36, dắt xe máy ra ngoài sân nổ máy, điều khiển chiếc xe đi đến nhà ông Vũ Văn B. Tại đây, T hỏi vay ông B 3.000.000đ và thế chấp xe máy biển kiểm soát 88D1 – 184.36 cùng giấy tờ xe và được ông B đồng ý. T cầm tiền rồi đi taxi về khu vực cổng trường Trung học cơ sở thị trấn Lập Thạch gặp và nhờ một người nam giới tên Đ mua hộ 400.000đ ma túy heroin để sử dụng. Sau khi mua được 02 gói ma túy heroin T đem về sử dụng hết. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, gia đình chị H phát hiện bị mất tài sản nên đã làm đơn trình báo Công an. Đến ngày 31/7/2020, bà Trần Thị L là mẹ đẻ của T đến nhà ông B chuộc lại chiếc xe máy trên và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngày 06/8/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lập Thạch kết luận: *"01 chiếc xe máy Honda Vision, màu xanh, biển kiểm soát 88D1 – 184.36, được định giá 14.800.000đ"*.

Quá trình điều tra, T khai trong số tiền 3.000.000đ cầm cố xe máy biển kiểm soát 88D1 – 184.36, T sử dụng 400.000đ nhờ một người nam giới tên Đ mua ma túy heroin về sử dụng cho bản thân và sử dụng 600.000đ tiêu xài cá nhân, còn 2.000.000đ T giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Về vật chứng thu giữ:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, cùng đăng ký xe biển kiểm soát 88D1 – 184.36 quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Nguyễn Thị H. Ngày 16/9/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại chị H 01 chiếc xe máy nêu trên, cùng đăng ký xe biển kiểm soát 88D1 – 184.36.

- Số tiền 2.000.000đ do Nguyễn Xuân T giao nộp, quá trình điều tra xác định là số tiền T cầm cố xe máy biển kiểm soát 88D1 – 184.36 cho ông B mà có.

- 01 căn cước công dân số 026097002426 mang tên Nguyễn Xuân T, 01 ví giả da màu nâu và 01 chiếc điện thoại di động vỏ ốp lưng màu đỏ có chữ Realme, số IMEI (sim 1) 867470040571579; số IMEI (sim 2) 867470040571561, quá trình điều tra xác định là tài sản, giấy tờ cá nhân của T.

Bản Cáo trạng số 75/CT-VKS-LT ngày 19/10/2020, Viện kiểm sát nhân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố Nguyễn Xuân T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Xuân T như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; xử phạt Nguyễn Xuân T từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Xuân T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo

NHẬN ĐỊNH CỦA HỒI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện Lập Thạch đã truy tố. Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản thu giữ vật chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 30/7/2020, tại thôn Sau Ga, xã Tử Du, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Xuân T đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị H 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 88D1 – 184.36 cùng giấy tờ xe, trị giá 14.800.000đ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Xuân T đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định như sau: *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng… thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

Xét tính chất của vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là táo bạo, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và dư

luận bất bình trong nhân dân. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, đã lợi dụng sự sở hở của người khác để lén lút trộm cắp tài sản là 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 88D1 – 184.36 có giá trị 14.800.000đ và giấy tờ xe của chị Nguyễn Thị H nhằm mục đích chiếm đoạt, rồi sau đó đem đi cầm cố vay tiền của ông Vũ Văn B được 3.000.000đ để phục vụ mục đích tiêu sài cá nhân. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo Nguyễn Xuân T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trước khi phạm tội, bị cáo Nguyễn Xuân T là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình đã tích cực tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả. Người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, bản thân bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Vì vậy, chỉ cần xử phạt bị cáo mức án tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định một thời gian thử thách nhất định dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương, như vậy cũng đủ điều kiện để bị cáo tự cải tạo mình trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Xuân T có thu nhập thấp và hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là bột phát, không đem nguồn lợi gì cho gia đình bị cáo. Nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Người bị hại là chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt,quá trình điều tra và trong đơn đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Thường .

[6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Văn B đã cho bị cáo T cầm cố chiếc xe máy và giấy tờ xe, nhưng ông B không biết chiếc xe nêu trên là do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị L (là mẹ đẻ của bị cáo T) đã chuộc lại xe máy cùng đăng ký xe 88D1 – 184.36 từ ông Vũ Văn B với số tiền 3.000.000đ và đã giao nộp cho Cơ quan điều tra. Nay chị L đề nghị trả lại 2.000.000đ mà bị cáo T đã giao nộp, nên cần trả lại cho chị L số tiền trên. Đối với số tiền 1.000.000đ còn lại, tại phiên tòa chị L yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho chị, bị cáo nhất trí trả.

Đối với Nguyễn Văn Đ là người bị cáo T khai mua cho T 02 gói ma túy heroin với giá 400.000đ, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh tại gia đình và địa phương nơi Đ cư trú, tuy nhiên Đ đi đâu, làm gì gia đình và địa phương không nắm được. Ngoài lời khai của bị cáo T, Cơ quan điều tra không có tài liệu

nào khác chứng minh việc Đ mua cho T 02 gói ma túy heroin. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision cùng đăng ký xe biển kiểm soát 88D1-184.36 là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị H. Ngày 16/9/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch đã trả lại chị H 01 chiếc xe máy cùng đăng ký xe nêu trên, chị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đối với 01 căn cước công dân số 026097002426 mang tên Nguyễn Xuân T, 01 ví giả da màu nâu và 01 chiếc điện thoại di động vỏ ốp lưng màu đỏ có chữ Realme, số IMEI (sim 1) 867470040571579; số IMEI (sim 2) 867470040571561, là tài sản, giấy tờ cá nhân của T, đều không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo, nhưng cần tạm giữ lại điện thoại để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xử vắng mặt.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh V giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Buộc bị cáo T phải trả cho chị L 1.000.000đ

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật chị Trần Thị L có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Xuân T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu trên, thì bị cáo T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương

ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân số 026097002426 mang tên Nguyễn Xuân T, 01 ví giả da màu nâu và 01 chiếc điện thoại di động vỏ ốp lưng màu đỏ có chữ Realme, số IMEI (sim 1) 867470040571579; số IMEI (sim 2) 867470040571561, nhưng tạm giữ 01 điện thoại nêu trên để đảm bảo cho việc thi hành án.

Xác nhận ngày 16/9/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch đã trả lại chị Nguyễn Thị H 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision cùng đăng ký xe biển kiểm soát 88D1 – 184.36.

Trả lại cho chị Trần Thị L số tiền 2.000.000đ.

(Tiền và các tài sản, giấy tờ nêu trên có đặc điểm như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/10/2020 giữa Công an huyện Lập Thạch và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, và 300.000đ án phí dân sự trong án hình sự

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (có mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú cuối cùng của người vắng mặt.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *VKSND huyện Lập Thạch;*
- *Công an huyện Lập Thạch;*
- *Chi Cục THADS huyện Lập Thạch;*
- *UBND xã T;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Trần Văn Sơn

- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.